

Số: /QĐ-UBND-HC Đồng Tháp, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp;

Theo ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1950/TTr-SNV ngày 19 tháng 8 năm 2022 và xét Đề án số 596/ĐA-SNN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án số 596/ĐA-SNN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp (đính kèm Đề án), cụ thể:

1. Tổng số vị trí việc làm: 53 vị trí, trong đó:
 - a) Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 16 vị trí;
 - b) Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: 20 vị trí;
 - c) Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 14 vị trí;
 - d) Nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

2. Danh mục vị trí việc làm:

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu	Ghi chú
I	Nhóm lãnh đạo quản lý, điều hành		
1	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính	
2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính	
3	Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên	
4	Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên	
5	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	Chuyên viên	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	Thanh tra viên	
8	Phó Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên	
9	Chi cục trưởng	Chuyên viên hoặc tương đương	
10	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên hoặc tương đương	
11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	
12	Đội trưởng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	
13	Hạt trưởng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	
14	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	
15	Đội phó thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	
16	Hạt phó thuộc Chi cục	Chuyên viên hoặc tương đương	

II	Nhóm nghiệp vụ, chuyên ngành		
1	Quản lý chế biến và thương mại nông lâm, thủy sản	Chuyên viên	
2	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu nông nghiệp	Chuyên viên	
3	Phòng, chống thiên tai	Chuyên viên	
4	Quản lý, bảo vệ đê điều	Chuyên viên hoặc tương đương	
5	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên	
6	Thẩm định dự án, công trình	Chuyên viên	
7	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chuyên viên	
8	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	Chuyên viên	
9	Quản lý về phát triển nông thôn	Chuyên viên	
10	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	Chuyên viên	
11	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Chuyên viên	
12	Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên	
13	Kiểm dịch động vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật	
14	Quản lý nuôi trồng thủy sản	Chuyên viên	
15	Quản lý và khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Chuyên viên	
16	Quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản	Chuyên viên	

17	Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	
18	Quản lý Trồng trọt	Chuyên viên	
19	Quản lý Bảo vệ thực vật	Chuyên viên	
20	Kiểm dịch thực vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật	
III	Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		
1	Thanh tra	Thanh tra viên	
2	Pháp chế	Chuyên viên	
3	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	
4	Quản lý Tài chính - Kế toán	Chuyên viên	
5	Quản lý quy hoạch - Kế hoạch	Chuyên viên	
6	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	
7	Hành chính một cửa	Cán sự	
8	Quản trị công sở	Cán sự	
9	Công nghệ thông tin	Chuyên viên	
10	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	
11	Thủ quỹ	Kế toán viên trung cấp	
12	Văn thư	Nhân viên	
13	Lưu trữ	Nhân viên	
14	Văn thư, lưu trữ	Nhân viên hoặc tương đương	
IV	Nhóm hỗ trợ, phục vụ		
1	Lái xe		

2	Bảo vệ		
3	Phục vụ		

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc bố trí, sắp xếp biên chế thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm được phê duyệt, đảm bảo theo số lượng biên chế hàng năm do Ủy ban nhân dân Tỉnh giao cho đơn vị gắn với lộ trình tinh giản biên chế; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo đúng vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức tối thiểu đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh vị trí việc làm; Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; tổ chức lại hoặc giải thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thay đổi theo nhu cầu thực tế, nhằm đảm bảo thực hiện vị trí việc làm kịp thời, hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/TCD-NC(V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa